

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

Số: 5118 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hoá, ngày 30 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án phát triển thể dục, thể thao tỉnh Thanh Hóa trở thành trung tâm
mạnh hàng đầu của cả nước vào năm 2020, định hướng đến năm 2025**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thể dục, Thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ v/v ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về TDTT đến năm 2020; các quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 2198/QĐ-TTg ngày 03/12/2010 v/v phê duyệt chiến lược phát triển thể dục thể thao (TDTT) Việt Nam đến năm 2020; số 2160/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 v/v phê duyệt Quy hoạch phát triển TDTT Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 26/01/2007 v/v phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu liên hợp TDTT tỉnh; số 3916/QĐ-UBND ngày 30/11/2011 v/v phê duyệt quy hoạch phát triển sự nghiệp TDTT tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020; số 1786/QĐ-UBND ngày 11/6/2012 về ban hành chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị Ban chấp hành TW Đảng khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về TDTT đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 2823/TTr-SVHTTDL ngày 28/10/2016; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 1687/STP-XDVB ngày 16/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án phát triển TDTT tỉnh Thanh Hóa trở thành trung tâm mạnh hàng đầu cả nước vào năm 2020, định hướng đến năm 2025, với các nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung.

Phát triển toàn diện, rộng rãi TDTT cho mọi người, nhằm nâng cao sức khỏe, thể lực, tầm vóc, tuổi thọ cho nhân dân, lành mạnh hóa lối sống của thanh, thiếu niên và tạo nguồn tuyển chọn cho TTTC; tập trung các nguồn lực để phát triển

TTTTC, tạo bước đột phá ở một số môn TTTTC trọng điểm có tiềm năng thể mạnh của tỉnh; đưa TDTT Thanh Hóa trở thành trung tâm mạnh hàng đầu của cả nước vào năm 2020, định hướng đến năm 2025.

2. Mục tiêu cụ thể.

a) Thể dục, thể thao cho mọi người:

- Thể dục thể thao quần chúng: Có tỷ lệ người tập luyện thể thao thường xuyên, gia đình thể thao, CLB thể thao, cơ sở vật chất ở mức khá của cả nước. Người tập luyện TDTT thường xuyên đạt 41,5 %, tương đương với 1.385.000 người; đến năm 2025 đạt 45%. Gia đình thể thao đạt 31% số hộ, tương đương 268.204 hộ gia đình; đến năm 2025 đạt 33%. Số CLB TDTT cơ sở đạt 3500 CLB; đến năm 2025 đạt 3800 CLB. Số cán bộ, hướng dẫn viên, trọng tài có 120 người; đến năm 2025 có 150 người.

- Giáo dục thể chất và thể thao trường học: Năm 2020 có 95% học sinh, sinh viên đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể thao (RLTT) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đến năm 2025 đạt 98%; duy trì 100% số trường phổ thông, dạy nghề, cao đẳng, đại học thực hiện đầy đủ chương trình giáo dục thể chất (GDTC) nội khóa theo quy định; hoạt động ngoại khóa đạt 98% vào năm 2020 và đạt 100% vào năm 2025; có đủ giáo viên giảng dạy GDTC nội khóa và đến năm 2025 có đủ hướng dẫn viên hướng dẫn hoạt động ngoại khóa; cơ sở vật chất trường học đạt 98% vào năm 2020 và đạt 100% vào năm 2025; có 100% trường phổ thông đưa môn bơi vào chương trình ngoại khóa, thực hiện chương trình phòng chống đuối nước của ngành giáo dục và đào tạo; tổ chức HKPD (theo chu kỳ 4 năm). Hàng năm tổ chức các giải thể thao từ cơ sở đến cấp tỉnh cho học sinh phổ thông các cấp.

- Lực lượng vũ trang: Duy trì 100% cán bộ, chiến sĩ đạt tiêu chuẩn chiến sĩ khỏe; phát triển CLB các môn thể thao, số môn thể thao đạt 8-14 môn; tổ chức hội thao từ cơ sở đến cấp tỉnh hai năm một lần; tăng cường đội ngũ cán bộ TDTT, cơ sở vật chất, sân bãi, tài chính và hoạt động TDTT tại các đơn vị lực lượng vũ trang.

- Hệ thống thi đấu TDTT cấp tỉnh, cấp huyện: Tổ chức đại hội TDTT các cấp 4 năm một lần; đến năm 2020, hàng năm tổ chức 20 - 25 giải thi đấu thể thao, đến năm 2025 đạt 25 - 30 giải/năm; hàng năm tổ chức các giải thể thao (02 năm một lần cho từng môn thể thao theo hình thức luân phiên) cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong tỉnh

(Chi tiết tại phụ lục số 01).

b) Thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp:

- Vị trí: Giữ vững vị trí thứ tư, thu hẹp khoảng cách trình độ đối với các trung tâm TDTT mạnh của cả nước như: TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và Quân đội; nỗ lực phấn đấu vươn lên vị trí thứ ba, đóng góp nhiều VĐV ưu tú cho TTVN. Bóng đá, Bóng chuyền nữ giữ thứ hạng cao tại giải vô địch toàn quốc.

- Môn thể thao: Đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025, phát triển 35 môn thể thao theo chiến lược phát triển TTVN. Đầu tư trọng điểm 23 môn có khả năng giành huy chương vàng và huy chương Đại hội TDTT toàn quốc, các môn thể thao có thể mạnh của Thanh Hóa gồm: Điền kinh, bơi, lặn, bắn súng, bắn cung, karatedo, canoing, rowing, cử tạ, vật, judo, cầu mây, pencaksilat, boxing, tekwondo, vovinam, wushu, đấu kiếm, xe đạp, võ cổ truyền, bóng chuyền nữ, dance sport và bóng đá. Môn thể thao trọng điểm: Ưu tiên đầu tư cao cho 12 - 16 môn chủ lực, mũi nhọn là các môn giành được HCV đại hội TDTT toàn quốc, đóng góp VĐV ưu tú cho TTVN giành thành tích cao trên đấu trường seagames, châu lục và thế giới gồm: Điền kinh, bơi, lặn, cử tạ, bắn súng, canoing, rowing, vật, cầu mây, karatedo, taekwondo, pencaksilat, boxing, vovinam, dance sport và bóng đá (*Chi tiết tại phụ lục số 02*).

- Lực lượng: Đến năm 2020, tuyển I - 500 VĐV, tuyển II - 500 VĐV, tuyển III - 1500 VĐV, tuyển IV - 3000 VĐV; 80 VĐV đạt đẳng cấp kiện tướng, 90 VĐV đạt dự bị kiện tướng và cấp I quốc gia; đến năm 2025, tuyển I - 550 VĐV, tuyển II - 650 VĐV, duy trì VĐV tuyển III và tuyển IV; 85 VĐV đạt đẳng cấp kiện tướng, 100 VĐV đạt dự bị kiện tướng và cấp I quốc gia. VĐV trọng điểm: Đến năm 2020, hàng năm ưu tiên đầu tư từ 180 - 200 VĐV cấp cao, trong đó có 80 - 90 VĐV ưu tú được hưởng chế độ ưu đãi đặc biệt của tỉnh; đến năm 2025 đầu tư từ 200 - 250 VĐV cấp cao, trong đó có 100 - 120 VĐV ưu tú. Lực lượng HLV, trọng tài: Đến năm 2020 có 120 HLV (10 HLV cấp cao), 60 trọng tài (6 trọng tài cấp cao); năm 2025 có 135 HLV (15 HLV cấp cao), 70 trọng tài (8 trọng tài cấp cao) (*Chi tiết tại phụ lục số 03*).

- Thành tích thi đấu: Đến năm 2020, thành tích thi đấu quốc gia tại các giải vô địch trẻ đạt 65 HCV, 60 HCB, 65 HCD; năm 2025 đạt 75 HCV, 70 HCB, 80 HCD. Giải Vô địch quốc gia đạt 55 HCV, 50 HCB, 60 HCD, năm 2025 đạt 70 HCV, 60 HCB, 70 HCD. Đại hội TDTT toàn quốc năm 2018 đạt 55 HCV, 45 HCB, 50 HCD; Đại hội năm 2022 đạt 65 HCV, 65 HCB, 70 HCD. Thành tích thi đấu quốc tế: SEA Games đóng góp 10 - 15% lực lượng VĐV, giành 6 - 8% số huy chương và duy trì đến năm 2025. Có 01 huy chương vàng ASIAD lần thứ 18, năm 2018 và lần thứ 19, năm 2022. Có từ 2 - 3 VĐV tham dự Olympic Games lần thứ 32, năm 2020; có huy chương Olympic vào năm 2024 (*Chi tiết tại phụ lục số 04*).

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ và giải pháp chung:

a) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về thể dục, thể thao:

- Quán triệt quan điểm của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng và phát triển phong trào TDTT, thực hiện mục tiêu "Dân cường nước thịnh", "Thể dục thể thao vì sức khỏe và hạnh phúc của nhân dân"; tăng cường công tác thông tin - truyền thông trong cộng đồng xã hội về TDTT, về tác dụng và lợi ích của luyện tập TDTT.

- Nâng cao nhận thức về quan điểm, mục tiêu phát triển TDTT của Đảng và Nhà nước, bảo đảm công tác TDTT là hoạt động liên ngành, là trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các đoàn thể, tổ chức xã hội và quần chúng nhân dân, trong đó ngành TDTT giữ vai trò nòng cốt; phát triển TDTT phải là nội dung bắt buộc trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm và dài hạn.

- Đẩy mạnh tuyên truyền về chủ trương xã hội hóa Nhà nước và nhân dân cùng làm, tránh quan niệm cực đoan chỉ đòi hỏi Nhà nước bao cấp, không huy động sự đóng góp của nhân dân, hoặc giảm sự quan tâm đầu tư của Nhà nước để mặc cho cơ chế thị trường chi phối.

b) Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý công tác TDTT:

- Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao trình độ lý luận và kinh nghiệm thực tiễn cho đội ngũ cán bộ, nhằm tham mưu kịp thời, có chất lượng cho các cấp ủy Đảng, chính quyền trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển sự nghiệp TDTT theo Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng.

- Bố trí, sắp xếp bộ máy TDTT các cấp, thực hiện Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ VHTTDL và Bộ Nội vụ; tổ chức sắp xếp công tác quản lý đào tạo VĐV TTTC và cơ sở vật chất TDTT cấp tỉnh, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các công trình thể thao và quản lý đào tạo VĐV.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực tổ chức thực hiện các chủ trương chính sách, quy hoạch, kế hoạch đã được ban hành. Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy ngành TDTT trên cơ sở phân cấp, phân quyền một cách nhất quán.

- Điều chỉnh hệ thống quản lý phát triển TTTC. Xây dựng kế hoạch hoạt động, quy chế phối hợp giữa các đơn vị đào tạo, huấn luyện VĐV của tỉnh với trung tâm TDTT các huyện, thị trong việc tổ chức phân công đào tạo, huấn luyện VĐV các môn thể thao thành tích cao 4 tuyến.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp TDTT; có chế tài xử lý nghiêm đối với những hành vi xâm hại TDTT lành mạnh. Tăng cường xây dựng hệ thống tổ chức, quản lý các hội, hiệp hội, liên đoàn, câu lạc bộ TDTT cho mọi người.

c) Phát triển nguồn nhân lực TDTT:

- Đối với thể thao cho mọi người: Kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực từ tỉnh đến cơ sở cho thể thao quần chúng, thể thao học đường, lực lượng vũ trang và các khu công nghiệp giới về chuyên môn nghiệp vụ, vững về tư tưởng chính trị. Phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức công đoàn bồi dưỡng cán bộ chuyên trách, cán bộ công đoàn về các kỹ năng hoạt động TDTT để tuyên truyền, vận động, tổ chức phong trào tập luyện và các giải thể thao trong CNVCLĐ hàng năm.

- Đối với thể thao thành tích cao: Bố trí đủ lực lượng HLV, trọng tài, HDV các cấp, đồng thời tích cực cử cán bộ, HLV, trọng tài, HDV tham dự các khóa học, tập huấn chuyên môn trong nước và quốc tế; nâng cao liên tục trình độ HLV, trọng tài lên trình độ cấp cao quốc gia và quốc tế. Có cơ chế, chế độ khuyến khích các cán bộ, HLV, trọng tài chủ động tự học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện và tổ chức thi đấu các giải thể thao quốc gia và quốc tế.

d) Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật TDTT:

Tập trung hoàn thành quy hoạch hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật TDTT Thanh Hóa đến năm 2020 và những năm tiếp theo; rà soát, đánh giá xác định danh mục các công trình TDTT còn thiếu, đang trong tình trạng xuống cấp, sử dụng không hiệu quả, không đảm bảo điều kiện tập luyện, để xây dựng kế hoạch cải tạo, nâng cấp, quản lý phục vụ sự nghiệp TDTT. Thực hiện chính sách mở cửa các công trình TDTT để phục vụ việc tập luyện thường xuyên của quần chúng nhân dân; ưu tiên bố trí quỹ đất xây dựng các công trình thể thao ở cấp tỉnh, huyện, thị trấn, xã, phường và các khu công nghiệp để tổ chức tập luyện, thi đấu và các hoạt động văn hóa xã hội khác.

- Cấp tỉnh: Giai đoạn 2017 - 2018, tập trung đầu tư nâng cấp, sửa chữa các công trình TDTT hiện có, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng để phục vụ tốt công tác tập luyện, thi đấu và ăn ở tập trung cho lực lượng VĐV TTTC của tỉnh gồm: Nhà thi đấu tỉnh (tại TTHL&TĐTDTT) và nhà 11 tầng, bể bơi nước nóng (25m x 10m), trường bắn súng 21 bệ, nhà tập luyện (tại Trường Cao đẳng TDTT sau khi tiếp quản). Giai đoạn 2019 - 2020, 2021 - 2025 tăng cường thu hút các nguồn vốn xã hội hóa đầu tư để hoàn thành các công trình tập luyện, thi đấu và sinh hoạt cho VĐV tại Khu liên hợp TDTT tỉnh.

- Cấp huyện: Tăng cường đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng các công trình thể thao trong quần thể trung tâm TDTT, TTVHTDTT cấp huyện (gồm 3 công trình chính theo tiêu chuẩn: Sân vận động, nhà tập luyện và thi đấu, bể bơi và một số sân thể thao ngoài trời). Đến năm 2020, hoàn thành xây dựng 3/8 cụm trung tâm TDTT: Thành phố Thanh Hóa, Sầm Sơn, Ngọc Lặc; đến năm 2025 hoàn thành 5/8 cụm trung tâm còn lại: Bim Sơn, Hoàng Hoá, Thọ Xuân, Vĩnh Lộc, Tĩnh Gia. Đến năm 2020, 60% các huyện có đủ 3 công trình chính như: Sân vận động, nhà tập luyện và thi đấu, bể bơi; đến năm 2025 đạt 75%.

- Cấp xã: Đến năm 2020 có 75% xã, phường, thị trấn có sân tập luyện thể thao (bóng đá, điền kinh, đồng diễn); 1 - 2 phòng tập đơn giản; 10 - 15 sân tập từng môn kích thước vừa và nhỏ (bóng chuyền, đá cầu, cầu lông...); đến năm 2025 đạt 85%.

e) Huy động nguồn lực phát triển TDTT:

- Các cấp, các ngành phải tuyên truyền sâu rộng để nhân dân nhận thức đầy đủ về vai trò, vị trí quan trọng của TDTT và có hành động thiết thực vừa duy trì, phát huy những giá trị truyền thống vừa không ngừng nỗ lực sáng tạo để phát triển TDTT.

- Triển khai thực hiện các chiến lược, chính sách về TDTT của Đảng, Nhà nước, xây dựng kế hoạch phát triển TDTT hàng năm và 5 năm; xây dựng các thiết chế TDTT thiết thực, đáp ứng hoạt động và khuyến khích năng lực sáng tạo của cán bộ TDTT và quần chúng nhân dân.

- Bố trí ngân sách tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ phát triển sự nghiệp TDTT trong từng thời kỳ; hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình TDTT ở cấp huyện, trường học ở miền núi, vùng sâu, vùng xa.

- Đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa hoạt động TDTT. Rà soát, sửa đổi, bổ sung các chính sách xã hội hóa nhằm khuyến khích, thu hút các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh tham gia đầu tư, phát triển hoạt động TDTT cho mọi người, phát triển thể thao giải trí, thể thao dân tộc, gắn với hoạt động văn hóa, du lịch; kinh doanh hoạt động TDTT thông qua các hình thức liên doanh, liên kết, hợp tác trong hoạt động thể thao quần chúng, thể thao giải trí, TTTC và TTCN; xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật TDTT cấp tỉnh tại Khu liên hợp TDTT, 08 trung tâm TDTT cụm huyện, thị theo quy hoạch đến năm 2020 đã được phê duyệt và tại các khu công nghiệp cấp tỉnh, huyện.

- Phát triển đa dạng mô hình các tổ chức xã hội về TDTT như: Liên đoàn, hội, hiệp hội, liên hiệp hội, câu lạc bộ..., nâng cao vai trò và chuyển đổi hoạt động tác nghiệp TDTT cho các tổ chức xã hội trong công tác tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện VĐV, tổ chức và tham gia thi đấu các giải thể thao khu vực, quốc gia, quốc tế.

2. Nhiệm vụ và giải pháp phát triển TDTT cho mọi người:

a) Đối với TDTT quần chúng:

- Đẩy mạnh và thực hiện thường xuyên cuộc vận động "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại", tuyên truyền, khuyến khích mọi người dân tham gia tập luyện TDTT với khẩu hiệu "Khỏe để xây dựng và bảo vệ tổ quốc".

- Xây dựng, bồi dưỡng mạng lưới cộng tác viên, tình nguyện viên TDTT tại cơ sở, nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động TDTT của cộng đồng dân cư, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và các khu công nghiệp; tạo cơ hội cho mọi người, không phân biệt lứa tuổi, giới tính, người khuyết tật- được thực hiện quyền hoạt động TDTT để rèn luyện sức khỏe, vui chơi giải trí và nâng cao đời sống tinh thần.

- Tăng cường giao lưu, biểu diễn thi đấu các môn thể thao dân tộc, trò chơi dân gian trong các lễ hội; lựa chọn 1 số đơn vị có phong trào TDTT tốt để đầu tư thí điểm phát triển phong trào tập luyện và thi đấu TDTT tại cơ sở.

- Mở rộng, đa dạng hóa hoạt động thi đấu thể thao quần chúng ở các cấp độ, quy mô, loại hình khác nhau kết hợp với các hoạt động văn hóa, du lịch, lễ hội truyền thống, gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới và các chương trình mục tiêu quốc gia khác.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, tổng kết, đánh giá, khen thưởng hoạt động TDTT quần chúng, đồng thời điều chỉnh, bổ sung các quy định để nâng cao chất lượng hoạt động thể thao quần chúng.

b) Giáo dục thể chất và thể thao trường học:

- Nâng cao chất lượng giáo dục thể chất và thể thao trường học gắn với nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, TDTT, các cấp, các ngành, nhà trường, gia đình và xã hội. Tăng cường lồng ghép, nâng cao hiệu quả các chương trình, kế hoạch phát triển TDTT trường học của Trung ương và của tỉnh.

- Phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, góp phần hình thành nhân cách con người Việt Nam cho học sinh, sinh viên; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục thể chất và thể thao trong trường học; xây dựng các loại hình câu lạc bộ từng môn, hoặc nhóm các môn thể thao tại các trường học để học sinh tham gia ngoại khóa; xây dựng hệ thống thi đấu TDTT trong nhà trường, đổi mới nội dung và hình thức tổ chức Hội khỏe Phù Đổng các cấp, hội thi thể thao, giao lưu thể thao văn hóa phù hợp với các điều kiện cụ thể của từng trường, từng địa phương.

- Xây dựng các câu lạc bộ thể thao tại các trường học, từng bước đầu tư xây dựng các trường, lớp năng khiếu thể thao trong hệ thống giáo dục phổ thông nhằm phát hiện, đào tạo các tài năng thể thao tuyển III, IV.

- Thực hiện quy hoạch sử dụng đất cho hoạt động TDTT trong nhà trường các cấp theo quy định, hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở vật chất TDTT cho các trường vùng sâu, miền núi khó khăn.

- Khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân và xã hội đầu tư xây dựng cơ sở vật chất TDTT trường học để tổ chức thi đấu TDTT và tổ chức hoạt động ngoại khóa cho học sinh, sinh viên.

c) TDTT trong lực lượng vũ trang:

**** Đối với lực lượng Quân đội:***

- Đảm bảo năng lực tổ chức và điều hành công tác huấn luyện thể lực, hoạt động TDTT theo các tiêu chuẩn quy định; củng cố hệ thống tổ chức, biên chế, nâng cao kiến thức nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ TDTT chuyên trách cấp trung đoàn, sư đoàn và tương đương.

- Nâng cao chất lượng rèn luyện thể lực của bộ đội theo tiêu chuẩn RLTT. Tập trung nghiên cứu các nội dung TDDT mang tính đặc thù của các binh chủng, quân chủng, phát triển các môn thể thao, nội dung thể thao quân sự: Chạy 3000m vũ trang, chiến sĩ khỏe, vượt vật cản; 4 môn thể thao quân sự phối hợp của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp và hạ sĩ quan, binh sĩ; bơi mang súng, balo bao gói trang bị, võ thuật chiến đấu; tổ chức các cuộc hội thao quốc phòng và thi đấu TDDT quân chủng; phát triển các môn thể thao quần chúng: Điền kinh, bơi lội, bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, quần vợt, bóng rổ và võ thuật...

** Đối với lực lượng Công an nhân dân:*

- Đảm bảo năng lực tổ chức và điều hành công tác TDDT trong lực lượng; củng cố hệ thống tổ chức, biên chế, nâng cao kiến thức nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ TDDT chuyên trách.

- Nâng cao chất lượng rèn luyện thân thể theo tiêu chuẩn đối với cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân. Tổ chức nghiên cứu hoạt động TDDT mang tính đặc thù để phục vụ nhiệm vụ chuyên môn của ngành; tăng cường kiểm tra tiêu chuẩn rèn luyện thân thể, rèn luyện thể lực của chiến sĩ công an; phát triển các môn thể thao quần chúng, thành lập câu lạc bộ các môn thể thao: Điền kinh, bơi lội, bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, quần vợt, bóng rổ, võ thuật... để các cán bộ chiến sĩ có điều kiện tập luyện TDDT. Thường xuyên tổ chức thi đấu TDDT quần chúng và tham gia hội thao của ngành Công an.

3. Nhiệm vụ và giải pháp phát triển thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp:

a) Xây dựng cơ chế tổ chức, nội dung tuyển chọn và đào tạo tài năng thể thao theo hướng chuyên nghiệp; tăng cường nhân lực có trình độ chuyên môn cao cho công tác đào tạo tài năng thể thao:

- Hoàn thiện hệ thống đào tạo và huấn luyện VĐV thể thao thành tích cao theo 4 tuyến của tỉnh:

+ Xây dựng các CLB thể thao cho trẻ em, học sinh tập luyện sơ bộ ban đầu ở xã, phường, thị trấn, trường phổ thông và hình thành VĐV tuyến IV.

+ Xây dựng lớp năng khiếu tại các trung tâm TDDT, trung tâm VHTDDT các huyện, thị, thành phố để đào tạo VĐV ở giai đoạn bắt đầu huấn luyện năng khiếu nghiệp dư tuyến III.

+ Bố trí, sắp xếp nhân lực TTTTC, thực hiện tiếp quản cơ sở vật chất và nhiệm vụ tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện và quản lý lực lượng VĐV tuyến II (VĐV năng khiếu của Trường Cao đẳng TDDT) về Sở VHTTDL sau khi sáp nhập Trường CĐ TDDT vào Trường Đại học VHTTDL.

+ Nâng cấp Trung tâm Huấn luyện và thi đấu TDTT tỉnh đủ điều kiện về nghiên cứu khoa học và cơ sở vật chất, để huấn luyện nâng cao cho các VĐV tuyển I tham gia thi đấu các giải TTTTC trong nước và quốc tế.

+ Đảm bảo chỉ tiêu VĐV các tuyển phù hợp với quy hoạch, kế hoạch về số lượng môn thể thao và số lượng VĐV TTTTC. Chú trọng quản lý công tác tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện và tham gia thi đấu cho VĐV theo hệ thống 4 tuyển một cách khoa học, chặt chẽ, nghiêm ngặt.

+ Quan tâm việc học tập văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ, có chế độ học tập văn hóa phù hợp với đặc điểm tập huấn và thi đấu; chú trọng giáo dục tư tưởng, phẩm chất đạo đức và ý chí cho VĐV.

+ Nâng cấp Trung tâm TDTT Ngọc Lặc và tận dụng cơ sở vật chất tại thành phố Thanh Hóa, thị xã Sầm Sơn, thị xã Bim Sơn để đảm nhiệm việc đào tạo và cung cấp VĐV cho tuyển trên (thực hiện Đề án tuyển III).

- Tăng cường nguồn nhân lực chất lượng cao đối với cán bộ quản lý, chuyên môn làm việc trực tiếp trong lĩnh vực TTTTC cấp tỉnh. Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, HLV, trọng tài, chuyên viên kỹ thuật đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện, tổ chức thi đấu, chăm sóc VĐV và ứng dụng KHCN. Từng bước xây dựng lực lượng chuyên gia, HLV giỏi các môn thể thao của tỉnh.

b) Tập trung đầu tư phát triển các môn thể thao trọng điểm, các môn có thế mạnh của Thanh Hóa:

- Tập trung đầu tư, phát triển các môn thể thao trọng điểm có khả năng đạt thành tích huy chương tại các giải quốc gia, đại hội TDTT toàn quốc và trong chương trình Olympic Games và ASIAD, phấn đấu vươn lên đấu trường châu lục và thế giới; ưu tiên những môn thể thao chủ lực, mũi nhọn, thế mạnh, chiếm ưu thế về thành tích trong thi đấu tại đại hội TDTT toàn quốc. Ngoài ra, lựa chọn, đầu tư cho một số VĐV có trình độ cao của các môn: *Võ cổ truyền, sport aerobic, cờ vua, kick boxing, đấu kiếm, bi sắt...* nhằm mục tiêu gia tăng số lượng huy chương trong thi đấu đại hội TDTT toàn quốc.

- Tổ chức quản lý một cách nghiêm túc, khoa học quá trình tập huấn và thi đấu quốc gia, quốc tế của các VĐV trọng điểm.

- Thuê chuyên gia, HLV giỏi trong nước và quốc tế tham gia huấn luyện cho các môn thể thao trọng điểm, VĐV trọng điểm.

c) Đẩy mạnh tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện các VĐV có thành tích cao, xuất sắc chuẩn bị tham gia các kỳ Đại hội TDTT toàn quốc, các kỳ Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Đại hội thể thao Châu Á (ASIAD) và có vận động viên tham dự Olympic Games:

Tập trung đầu tư cho VĐV các môn thể thao trọng điểm, đặc biệt là các VĐV ưu tú có khả năng giành huy chương vàng đại hội thể thao toàn quốc, đại hội thể thao Đông Nam á, đại hội thể thao châu Á và tham dự Olympic. Các VĐV được đầu tư với chế độ chính sách đặc thù chuyên biệt (đãi ngộ, dinh dưỡng, tập huấn, thi đấu quốc tế, mời chuyên gia huấn luyện, chăm sóc y học và chữa trị chấn thương).

d) Đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ, y học hồi phục chữa trị chấn thương, chăm sóc dinh dưỡng cho lực lượng VĐV thành tích cao:

Trước mắt cần xây dựng một bộ phận chuyên trách y học chăm sóc sức khỏe, y học hồi phục, chăm sóc dinh dưỡng cho VĐV trong Trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT. Tiến tới xây dựng Trung tâm y học TDTT để phục vụ cho việc nâng cao hiệu quả tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện, chăm sóc và hồi phục cho VĐV trong tập luyện, thi đấu và dịch vụ.

e) Phòng chống tiêu cực và doping trong thể thao:

Quản trị và thực hiện việc phòng, chống, xử lý tiêu cực và doping trong hoạt động thể thao theo quy định của quốc gia và quốc tế; phối hợp với các cơ quan chức năng thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về phòng chống doping và các hoạt động tiêu cực, phi thể thao như: Mua bán, dàn xếp tỷ số; bạo lực, dối trá... cho đội ngũ cán bộ, HLV, VĐV, trọng tài của tỉnh.

g) Chế độ, chính sách đặc thù cho HLV, VĐV, trọng tài:

- Triển khai thực hiện các chế độ, chính sách dinh dưỡng đặc thù, khen thưởng, tiền công, bảo hiểm, hỗ trợ cho HLV, VĐV, trọng tài một cách đầy đủ để kịp thời động viên, khuyến khích, "giữ chân" HLV, VĐV tài năng của tỉnh.

- Nghiên cứu xây dựng và ban hành các chế độ đãi ngộ đặc biệt về lương thưởng, nhà, đất, học tập, việc làm cho HLV, VĐV của tỉnh, chính sách đãi ngộ cho VĐV sau khi "giải nghệ" và thu hút tài năng ở các địa phương khác về phục vụ cho thể thao Thanh Hóa.

h) Ứng dụng khoa học, công nghệ trong các hoạt động TDTT:

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo, huấn luyện và quản lý dữ liệu của VĐV trình độ cao và VĐV trẻ. Ưu tiên ứng dụng nghiên cứu khoa học, y học thể thao phục vụ nâng cao hiệu quả huấn luyện các môn thể thao trọng điểm, mũi nhọn, các VĐV trọng điểm.

- Thực hiện chữa trị chấn thương, hồi phục sức khỏe, thể lực; chăm sóc dinh dưỡng cho các VĐV thể thao thành tích cao; thành lập bộ phận y học TDTT được trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, dụng cụ cần thiết.

- Nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ trong đào tạo, huấn luyện, thi đấu và nâng cao trình độ cho các cán bộ chuyên trách về lĩnh vực y học TDTT. Đẩy mạnh hợp tác với Viện Khoa học TDTT, các trường đại học TDTT, các trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia, các bệnh viện trong và ngoài tỉnh.

i) Hợp tác trong nước và quốc tế phát triển TDTT:

- Tăng cường hợp tác với các trung tâm TDTT mạnh của quốc gia và các tỉnh, thành khác có điều kiện cơ sở vật chất tốt như: Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Đà Nẵng để giao lưu học tập trao đổi kinh nghiệm và tạo điều kiện thuận lợi cho các HLV, VĐV tham gia tập huấn, thi đấu, nâng cao trình độ thể thao; học tập nâng cao trình độ cho HLV, giáo viên, cán bộ quản lý thể thao.

- Tăng cường quan hệ hợp tác với các nước có nền thể thao phát triển trong khối ASEAN, ở Châu Á (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc...), với các trung tâm đào tạo VĐV ở các nước tiên tiến trên thế giới để cử VĐV, HLV xuất sắc của Thanh Hóa đi tập huấn, thi đấu, học hỏi nâng cao trình độ; phối hợp tổ chức các sự kiện thể thao trong nước và quốc tế tại Thanh Hóa.

III. TIỀN ĐỘ TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN ĐỀ ÁN:

1. Giai đoạn 2017 - 2020:

a) Giai đoạn 2017 - 2018:

- Triển khai thực hiện hệ thống đào tạo VĐV TTTTC 4 tuyến theo quyết định này và Quyết định số 3916/QĐ-UBND ngày 30/11/2011; Quyết định số 2673/QĐ-UBND ngày 15/8/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất cấp tỉnh hiện có tại Trung tâm Huấn luyện và thi đấu TDTT (*nhà thi đấu 2500 chỗ*) và Trường Cao đẳng TDTT (*nhà 11 tầng, nhà ăn cho VĐV, bể bơi nước nóng (25m*10m), nhà tập bắn súng 21 bộ, nhà tập luyện 36m*18m và 24m*12m*).

- Xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ, thu hút nhân tài cho TTTTC.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, xã hội hóa xây dựng cơ sở vật chất TDTT trên địa bàn toàn tỉnh.

b) Giai đoạn 2019 - 2020:

- Triển khai thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; san lấp và xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại Khu liên hợp TDTT tỉnh 50ha/160ha bằng nguồn đầu tư trực tiếp (*theo Quyết định 3503/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của chủ tịch UBND tỉnh*).

- Lập dự án một số công trình tập luyện, thi đấu, sinh hoạt tại Khu liên hợp TDTT tỉnh từ nguồn ngân sách và xã hội hóa (*theo Quyết định 304/QĐ-UBND ngày 26/01/2007*).

- Triển khai thực hiện nâng cấp, cải tạo, xây mới một số công trình TDTT cấp huyện; cụm huyện, thị đã được quy hoạch từ nguồn ngân sách và xã hội hóa (theo Quyết định 3916/QĐ-UBND ngày 30/11/2011 của chủ tịch UBND tỉnh).

2. Giai đoạn 2021 - 2025:

- Triển khai đầu tư xây dựng giai đoạn 1 một số hạng mục tại Khu liên hợp thể thao tỉnh, gồm: Sân vận động trung tâm 3 vạn chỗ; nhà tập luyện các môn; nhà ăn, ở tập trung cho VĐV; một số công trình tập luyện, thi đấu ngoài trời và trung tâm y học TDTT từ ngân sách nhà nước và chủ yếu từ nguồn xã hội hóa (theo Quyết định 304/QĐ-UBND ngày 26/01/2007, QĐ 3916/QĐ-UBND ngày 30/11/2011 của chủ tịch UBND tỉnh).

- Xây dựng cơ sở vật chất TDTT tại các cụm huyện, thị, thành phố như: TP Thanh Hóa, Sầm Sơn, Bỉm Sơn, Ngọc Lặc, Vĩnh Lộc, Thọ Xuân, Tĩnh Gia, Hoằng Hóa bằng nguồn ngân sách cấp huyện và chủ yếu từ nguồn xã hội hóa (theo Quyết định 3916/QĐ-UBND ngày 30/11/2011 của chủ tịch UBND tỉnh)

(Chi tiết tại phụ lục số 05).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN:

1. Nguồn vốn chi sự nghiệp TDTT: Từ 2017 - 2020 là: 824,416 tỷ đồng

(Chi tiết tại phụ lục số 06).

2. Nguồn vốn chi đầu tư phát triển 2017 - 2025:

(Chi tiết tại phụ lục số 07).

*** Tổng kinh phí tạm tính:** 1.630,5 tỷ đồng (1.400 tỷ đồng XHH và 230,5 tỷ đồng vốn ngân sách), cụ thể như sau:

- **Giai đoạn 2017 - 2018:** 30,5 tỷ đồng vốn ngân sách (sửa chữa, cải tạo, nâng cấp công trình TDTT cấp tỉnh hiện có).

- **Giai đoạn 2019 - 2020:** 850 tỷ đồng, trong đó:

+ Đền bù, san lấp và xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu liên hợp thể thao là 700 tỷ đồng theo hình thức đầu tư trực tiếp (theo QĐ 3916/QĐ-UBND ngày 30/11/2011 và QĐ QĐ 3503/QĐ-UBND ngày 14/9/2015).

+ Xây dựng mới một số công trình tập luyện, thi đấu, sinh hoạt tại khu liên hợp TDTT là 150 tỷ đồng vốn ngân sách.

- **Giai đoạn 2021 - 2025:** 750 tỷ đồng, trong đó:

+ Nguồn đầu tư phát triển cấp tỉnh: 50 tỷ đồng (Trung tâm Y học TDTT).

+ Nguồn XHH: 700 tỷ đồng (một số công trình tập luyện, thi đấu).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (cơ quan thường trực thực hiện Đề án):

- Lập kế hoạch chi tiết triển khai, thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các ban, sở, ngành, đơn vị có liên quan, các huyện, thị, thành phố thường xuyên củng cố và kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác TDTT.

- Chủ trì, phối hợp với các ban, sở, ngành, đơn vị có liên quan xây dựng các chế độ chính sách cho HLV, VĐV, trọng tài, hướng dẫn viên, giáo viên TDTT các cấp, chính sách khuyến khích xã hội hóa và kinh doanh dịch vụ TDTT.

- Tổ chức báo cáo sơ kết, tổng kết thực hiện đề án vào năm 2020 và 2025.

2. Sở Nội vụ, phối hợp với Sở VH TTDL:

- Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị đào tạo, huấn luyện học sinh năng khiếu, VĐV thể thao xây dựng đề án vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức và số lượng người làm việc, thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

- Kiện toàn cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các cơ sở đào tạo trong hệ thống đào tạo VĐV 4 tuyến của tỉnh Thanh Hóa.

- Phối hợp xây dựng chế độ, chính sách đối với cán bộ, HLV, VĐV, trọng tài, giáo viên, hướng dẫn viên, cộng tác viên TDTT, trình UBND tỉnh phê duyệt để thực hiện.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo, phối hợp với Sở VH TTDL:

- Nâng cao chất lượng giáo dục thể chất và các hoạt động thể thao trường học, tổ chức thi đấu TDTT trường học, HKPD các cấp.

- Tổ chức xây dựng các trường, lớp, các CLB năng khiếu TDTT trong hệ thống giáo dục phổ thông để tuyển chọn học sinh có năng khiếu cho TTTC.

- Nghiên cứu, đề xuất các chế độ chính sách hỗ trợ, nhằm tạo điều kiện cho việc giảng dạy của giáo viên và học tập văn hóa của VĐV.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tham mưu, tổng hợp các mục tiêu của Đề án vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công hàng năm và 5 năm của tỉnh; phối hợp với Sở Tài chính tham mưu, đề xuất bố trí nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Đề án theo quy định.

5. Sở Tài chính: Bố trí nguồn kinh phí trong dự toán ngân sách hàng năm cho các chương trình, dự án tại Đề án được duyệt; phối hợp xây dựng chế độ, chính sách đối với cán bộ, HLV, VĐV, trọng tài, giáo viên, hướng dẫn viên, cộng tác viên TDTT, trình UBND tỉnh phê duyệt để thực hiện.

6. Sở Khoa học và Công nghệ: Hàng năm, cân đối nguồn kinh phí để thực hiện một số nhiệm vụ KHCN về nghiên cứu ứng dụng KHCN trong các hoạt động TDTT, đáp ứng yêu cầu phát triển TDTT Thanh Hóa đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025.

7. Các sở, ngành có liên quan: Y tế, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, theo chức năng, nhiệm vụ, có trách nhiệm xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai, thực hiện đề án.

8. Đề nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy: Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền thông và thông qua hệ thống báo cáo viên, tuyên truyền, phổ biến về Đề án, đồng thời tham gia chỉ đạo, thực hiện Đề án.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức, đoàn thể chính trị - xã hội: Phối hợp với Sở VHTTDL xây dựng các chương trình, kế hoạch phát triển sự nghiệp TDTT tại Đề án được duyệt; thực hiện lồng ghép các mục tiêu phát triển TDTT với các chương trình, kế hoạch phát triển của từng tổ chức, đoàn thể đạt hiệu quả thiết thực.

10. UBND các huyện, thị xã, thành phố, ban quản lý các khu công nghiệp trực tiếp quản lý chỉ đạo các hoạt động TDTT: Chủ trì, phối hợp với Sở VHTTDL và các ngành, đơn vị liên quan triển khai, thực hiện có hiệu quả các dự án, chương trình của đề án, phục vụ nhu cầu phát triển TDTT trên địa bàn.

Điều 2. Trong quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Đề án, nếu có những khó khăn, vướng mắc phát sinh cần sửa đổi, bổ sung; các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan có ý kiến bằng văn bản, gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp, đề xuất, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

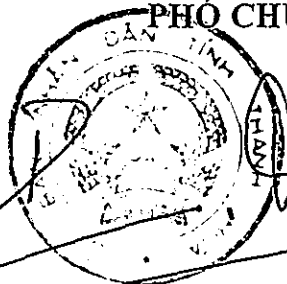
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; giám đốc các sở; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
 - Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, VX.
- QD12b/2016/N50b

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Đăng Quyền

Phụ lục số 01:

**Chỉ tiêu phát triển thể dục thể thao cho mọi người đến năm 2020,
định hướng đến năm 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 5118/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Nội dung	Chỉ tiêu (%)	
		Năm 2020	Năm 2025
I	GDTC trong nhà trường		
1	Số trường phổ thông thực hiện chương trình GDĐT nội khóa	100	100
2	Số trường phổ thông thực hiện chương trình GDĐT ngoại khóa	98	100
II	TDTT quần chúng		
1	Số người tập luyện TDTT thường xuyên	41.5	45
2	Số gia đình thể thao	31	33
3	Câu lạc bộ (CLB)	3500	3800
4	Lực lượng vũ trang	100	100

Phụ lục số 02:

**Chỉ tiêu phát triển các môn thể thao thành tích cao đến năm 2020,
định hướng đến năm 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 5118/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

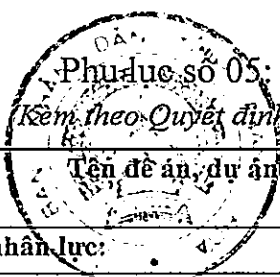
TT	Các môn thể thao	Chỉ tiêu	Ghi chú
1	Tổng số môn thể thao TTTTC	35	
2	Các môn thể thao trọng điểm	20-23	
3	Các môn thể thao chủ lực, mũi nhọn	12-16	
4	Các môn thể thao phát triển thêm.	3 - 6	

Phụ lục số 03: Chỉ tiêu phát triển lực lượng VĐV, HLV, TT thể thao thành tích cao đến năm 2020, định hướng đến năm 2025
(Kèm theo Quyết định số: 5118/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Đối tượng	Vận động viên				Huấn luyện viên			Trọng tài				Đăng cấp VĐV		
	Năm	Tuyển IV	Tuyển III	Tuyển II	Tuyển I	Tuyển III	Tuyển II	Tuyển I	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Quốc gia	Quốc tế	Kiên tướng	DBKT, CI	Tổng
1	2016	0	0	400	450	0	41	54	1265	90	40	5	67	78	135
2	2017	1000	900	500	500	25	45	60	1300	90	45	5	70	80	150
3	2018	1500	900	500	500	50	45	65	1300	95	50	5	85	75	160
4	2019	2000	900	500	500	50	50	65	1400	100	50	6	80	85	165
5	2020	2500	900	500	500	75	55	65	1400	100	54	6	80	90	170
6	2025	2500	900	650	550	75	60	75	1450	110	62	8	85	95	180

Phụ lục số 04: Chỉ tiêu phát triển thành tích thể thao đến năm 2020, định hướng đến năm 2025
(Kèm theo Quyết định số: 5118/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Năm	2016			2017			2018			2019			2020			2025		
		V	B	Đ	V	B	Đ	V	B	Đ	V	B	Đ	V	B	Đ	V	B	Đ
1	Giải vô địch quốc gia	45	50	60	48	52	60	57	50	60	50	50	55	55	50	60	70	60	70
2	Giải vô địch trẻ quốc gia	60	45	60	60	50	60	65	55	65	65	55	65	65	60	65	75	70	80
3	Đại hội TDTT toàn quốc							55	45	50							65	65	70
4	SEAGames	đóng góp 10 - 15% lực lượng VĐV, giành 6 - 8% số huy chương																	
5	Asian Games							1	0	0							1	0	1
6	Olympic Games	0	0	0										0	0	1	0	0	2



Phụ lục số 05: Các đề án, dự án trọng điểm giai đoạn 2017 - 2025:
Kèm theo Quyết định số: 5418/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh

TT	Tên đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian lập ĐA - DA	Cấp phê duyệt	Ghi chú
I. Các đề án phát triển nguồn nhân lực:						
1	Kế hoạch thực hiện hệ thống đào tạo VDV TTTTC 4 tuyến (theo QĐ 3916/QĐ-UBND ngày 30/11/2011)	Sở VHTTDL	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính.	2017	Chủ tịch UBND tỉnh	
2	Đề án sáp nhập Trường Cao đẳng TDTT vào Trường ĐH VHTTDL Thanh Hóa và tiếp quản VDV tuyển II (học sinh năng khiếu) về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Sở Nội vụ	Sở VHTTDL; KHĐT; Tài chính.	2017	UBND tỉnh	
II. Các dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất:						
1	Dự án cải tạo, nâng cấp nhà thi đấu TDTT tỉnh 2500 chỗ	Sở VHTTDL	Sở KHĐT, TC, XD	2017	Chủ tịch UBND tỉnh	
2	Dự án cải tạo nhà 11 tầng làm nơi ở, học tập cho VDV và làm việc	Sở VHTTDL	Sở KHĐT, TC, XD	2017	Chủ tịch UBND tỉnh	
3	Dự án nâng cấp Bể bơi nước nóng trong nhà 25m x 10m	Sở VHTTDL	Sở KHĐT, TC, XD	2017	Chủ tịch UBND tỉnh	
4	Dự án nâng cấp Nhà tập bắn súng thể thao 21 bộ.	Sở VHTTDL	Sở KHĐT, TC, XD	2017	Chủ tịch UBND tỉnh	
5	Dự án sửa chữa, nâng cấp nhà tập 36m*18m và 24m*12m	Sở VHTTDL	Sở KHĐT, TC, XD	2017	Chủ tịch UBND tỉnh	
6	Dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng; san lấp và xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại Khu liên hợp TDTT tỉnh 50ha/160ha (theo Quyết định 3503/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của chủ tịch UBND tỉnh).	Sở VHTTDL	Sở VHTTDL; KHĐT; Tài chính.	2019-2020	Chủ tịch UBND tỉnh	
7	Dự án Sân vận động trung tâm, các công trình tập luyện, thi đấu, sinh hoạt và trung tâm y học TDTT tại Khu liên hợp TDTT tỉnh (theo Quyết định 304/QĐ-UBND ngày 26/01/2007, QĐ 3916/QĐ-UBND ngày 30/11/2011 của chủ tịch UBND tỉnh).	Sở VHTTDL	Sở VHTTDL; KHĐT; Tài chính.	2021-2025	Chủ tịch UBND tỉnh	
8	Dự án nâng cấp, cải tạo, xây mới công trình TDTT các huyện và cụm huyện thị theo quy hoạch đến 2020: Tp Thanh Hóa, Sầm Sơn, Ngọc Lặc, Bim Sơn, Vĩnh Lộc, Thọ Xuân, Tĩnh Gia, Hoằng Hóa (theo Quyết định 3916/QĐ-UBND ngày 30/11/2011 của chủ tịch UBND tỉnh).	Các huyện, thị	Sở KHĐT, TC, XD, VHTTDL	2019-2020; 2021 - 2025	Chủ tịch UBND tỉnh	
III. Các đề án xây dựng cơ chế chính sách:						
1	Xây dựng cơ chế chính sách đãi ngộ, thu hút nhân tài TTTTC	Sở VHTTDL	Sở Nội vụ, Tài chính.	2017	UBND tỉnh	
2	Xây dựng cơ chế chính sách đặc thù thu hút đầu tư xây dựng cơ sở vật chất TDTT trên địa bàn tỉnh	Sở VHTTDL	Sở KHĐT; Tài chính; Xây dựng.	2017, 2021	UBND tỉnh	

Phụ lục số 06: Dự toán ngân sách chi sự nghiệp thể dục thể thao từ 2017 - 2020
(Kèm theo Quyết định số: 5118/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Diễn giải	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng số
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng cộng		207,354	207,354	204,854	204,854	824,416
I	Chi hoạt động sự nghiệp thể dục, thể thao		199,954	199,954	199,954	199,954	799,816
1	Chi thể thao thành tích cao (tuyến I + tuyến II)	Tăng 1,5 lần so với năm 2016, để tăng cường trang thiết bị tập luyện và chi phí cho VĐV, HLV cho các môn thể thao mũi nhọn	155,224	155,224	155,224	155,224	620,896
2	Chi bồi dưỡng tập huấn cho vận động viên tuyến III cấp cơ sở	Chi bồi dưỡng tập huấn cho vận động viên cấp cơ sở theo đề án tuyến III. Số lượng 900 VĐV x 50.000đ/người x 80 ngày/ năm	3,600	3,600	3,600	3,600	14,400
3	Chi sự nghiệp thể dục thể thao cấp tỉnh	Chi gấp 1,5 lần năm 2016, để tổ chức các giải đấu phong trào; tập huấn, thi đấu các giải phong trào quốc gia.	2,000	2,000	2,000	2,000	8,000
4	Chi sự nghiệp thể dục thể thao cấp huyện	Chi gấp 1,5 lần năm 2016, để tăng cường trang thiết bị, tổ chức các giải đấu, tập huấn ..	39,130	39,130	39,130	39,130	156,520
II	Chi đào tạo tập huấn, ứng dụng công nghệ thông tin, tiến bộ khoa học		7,400	7,400	4,900	4,900	24,600
1	Chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ hàng năm	Chi đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, huấn luyện viên, trọng tài, bác sĩ, giáo viên thể dục thể thao	3,800	3,800	3,800	3,800	15,200
2	Chi bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ quản lý	Bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ quản lý từ tỉnh đến cơ sở: 2 lớp x 50 triệu đồng/lớp	100	100	100	100	400
3	Chi ứng dụng CNTT và y học TDDT	Xây dựng phần mềm quản lý dữ liệu Thể thao thành tích cao	3,500	3,500	1000	1000	9,000

Phụ lục số 07: Kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất TDTT giai đoạn từ 2017 - 2020 và 2021 - 2025
(Kèm theo Quyết định số: 5118/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Văn bản đã phê duyệt	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Tổng nhu cầu vốn	Kế hoạch đầu tư hàng năm, giai đoạn					Trong đó	
						Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	2021-2025	Vốn NSNN	Vốn XHH
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Tổng số				1,630,500	19,500	11,000	300,000	550,000	750,000	230,500	1,400,000
I	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp				30,500						30,500	
1	Dự án cải tạo, nâng cấp nhà thi đấu tỉnh		TTHL&TD TDTT tỉnh	2017-2018	2,500	2,500					2,500	
2	Dự án cải tạo nhà 11 tầng tại Trường CĐTDTT để làm nơi ở, học tập cho VĐV và làm việc		Trường CĐTDTT hiện tại	2017-2018	12,000	12,000					12,000	
3	Dự án cải tạo, nâng cấp Trường bắn súng 21 bộ		nt	2017-2018	5,000		5,000				5,000	
4	Dự án cải tạo, nâng cấp bể bơi nước nóng trong nhà (25m x 10m)		nt	2017-2018	6,000		6,000				6,000	
5	Dự án cải tạo, nâng cấp nhà tập luyện 36m x 18m và 24m x 12m		nt	2017-2018	3,500	3,500					3,500	
6	Dự án sửa chữa nâng cấp nhà ăn tại Khu nhà ở VĐV 5 tầng		nt	2017-2018	1,500	1,500					1,500	
II	Khu liên hợp thể dục, thể thao				1,600,000			300,000	550,000	750,000	200,000	1,400,000
1	Dự án: Bồi thường giải phóng mặt bằng, san lấp và hạ tầng kỹ thuật 50ha/160ha	QĐ 3503/QĐ-UBND ngày 14/9/2015	Khu liên hợp TDTT tỉnh	2019-2020	900,000			250,000	450,000	200,000		900,000
2	Dự án một số công trình tập luyện, thi đấu, sinh hoạt		Khu liên hợp TDTT tỉnh	2019-2025	650,000			50,000	100,000	500,000	150,000	500,000
3	Dự án: Đầu tư xây dựng Trung tâm y học TDTT		Khu liên hợp TDTT tỉnh	2021-2025	50,000					50,000	50,000	
4	Dự án: Xây dựng Sân vận động tỉnh 30.000 chỗ ngồi, khán đài có mái che	QĐ 304/QĐ-UBND ngày 26/01/2007	Khu liên hợp TDTT tỉnh	2021-2025	Theo dự án đầu tư xây dựng được phê duyệt							
III	Các khu trung tâm văn hóa, thể thao cấp huyện thị xã, cụm huyện thị	QĐ 3916/QĐ-UBND ngày 30/11/2011	các huyện	2019-2020; 2021-2025	Theo dự án đầu tư xây dựng được phê duyệt							